

**BỘ Y TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số: /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn  
vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 (đợt 9)  
và kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2025 (đợt 8)**

### **BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025, giao dự toán, kế hoạch đầu tư công từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung ương;*

*Căn cứ Quyết định số 4030/QĐ-BYT ngày 30/12/2024 của Bộ Y tế về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025;*

*Căn cứ công văn 5162/BTC-KTN ngày 18/4/2025 của Bộ Tài chính về việc rà soát phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của Bộ Y tế;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025 của Dự án Cải tạo, nâng cấp Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh tại Quyết định số 4030/QĐ-BYT ngày 30/12/2024 của Bộ Y tế về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025, chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo.

**Điều 2:** Giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 (đợt 9) và kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025 (đợt 8) cho các dự án, chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo.

**Điều 3:** Giao, điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2025 (đợt 8) cho Dự án đầu tư xây dựng mới cơ sở 2 Bệnh viện Bạch Mai và Dự án đầu tư xây dựng mới cơ sở 2 Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, chi tiết tại Phụ lục số 03 kèm theo.

**Điều 4.** Căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2025 được giao, điều chỉnh tại Điều 1, 2 và 3 Quyết định này, Thủ trưởng các đơn vị và các Chủ đầu tư có trách nhiệm:

1. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch vốn được giao, điều chỉnh đảm bảo tiến độ và đúng quy định hiện hành, đảm bảo tiến độ, đúng mục đích, hiệu quả đầu tư.

2. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ Y tế về tính chính xác của thông tin, số liệu của dự án; tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng, mua sắm thiết bị theo đúng quy định hiện hành; đảm bảo hoàn thành, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn ngân sách nhà nước năm 2025 theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Đề cao kỷ luật, kỷ cương đầu tư công; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cản trở làm chậm tiến độ giao vốn và giải ngân; cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu trong trường hợp giải ngân chậm, kết quả giải ngân với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao. Tỷ lệ giải ngân là một trong các tiêu chí quan trọng để xem xét đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức cuối năm. Phấn đấu hoàn thành giải ngân 100% kế hoạch vốn được giao năm 2025.

4. Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai, tiến độ giải ngân cho từng

nhiệm vụ, dự án thuộc kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương. Thực hiện phân công Lãnh đạo phụ trách, chịu trách nhiệm theo dõi, lên kế hoạch triển khai chi tiết từng dự án, bám sát tiến độ thực hiện của từng nhiệm vụ, dự án để kịp thời chỉ đạo, xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

5. Thực hiện báo cáo định kỳ hàng tháng, quý và cả năm về tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025 gửi về Bộ Y tế theo quy định; tập trung đẩy nhanh tiến độ các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm kế hoạch.

6. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các đơn vị có trách nhiệm báo cáo Bộ Y tế bằng văn bản để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

**Điều 5.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục trưởng Cục Hạ tầng và Thiết bị y tế, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các Chủ đầu tư được giao điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2025 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Kiểm toán Nhà nước;
- KBNN TW;
- KBNN nơi đơn vị giao dịch;
- Lưu: VT, KH-TC3.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Lê Đức Luận**

**BỘ Y TẾ**

**PHỤ LỤC SỐ 01**

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG NƯỚC CỦA BỘ Y TẾ NĂM 2025**

(Kèm theo Công văn số            /BYT-KH-TC ngày    tháng    năm 2025 của Bộ Y tế)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Danh mục dự án                                             | Địa điểm xây dựng | Địa điểm mở tài khoản KBNN | Mã dự án | Mã ngành kinh tế | Thời gian KC-HT | Quyết định đầu tư |                                |                                | Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được giao | Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025 (vốn trong nước) giao tại Quyết định số 4030/QĐ-BYT ngày 30/12/2024 của Bộ Y tế | Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025 điều chỉnh đợt này (vốn trong nước) |                 | Tổng số kế hoạch vốn năm 2025 đã giao sau điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------|----------|------------------|-----------------|-------------------|--------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                            |                   |                            |          |                  |                 | Số Quyết định     | TMĐT                           |                                |                                                                     |                                                                                                              | Điều chỉnh tăng                                                  | Điều chỉnh giảm |                                                      |         |
|     |                                                            |                   |                            |          |                  |                 |                   | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó NSNN (vốn trong nước) |                                                                     |                                                                                                              |                                                                  |                 |                                                      |         |
|     | Tổng cộng                                                  |                   |                            |          |                  |                 |                   |                                |                                | 28.960                                                              | 8.540                                                                                                        | -                                                                | 8.540           | -                                                    |         |
| I   | Ngành, lĩnh vực Y tế, dân số và gia đình                   |                   |                            |          |                  |                 |                   |                                |                                | 28.960                                                              | 8.540                                                                                                        | -                                                                | 8.540           | -                                                    |         |
| 1   | Vốn thực hiện dự án                                        |                   |                            |          |                  |                 |                   |                                |                                | 28.960                                                              | 8.540                                                                                                        | -                                                                | 8.540           | -                                                    |         |
|     | Các Dự án đã hoàn thành, giao nốt kế hoạch vốn còn thiếu   |                   |                            |          |                  |                 |                   |                                |                                |                                                                     |                                                                                                              | -                                                                |                 | -                                                    |         |
| (1) | Dự án Cải tạo, nâng cấp Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh | TP Hồ Chí Minh    | KBNN Khu vực II            | 7813736  | 132              |                 | 5133; 30/10/2019  | 56.000                         | 50.000                         | 28.960                                                              | 8.540                                                                                                        | -                                                                | 8.540           | -                                                    |         |

**BỘ Y TẾ**

**PHỤ LỤC SỐ 02**

**GIAO, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025 (ĐỢT 9)  
VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG NƯỚC CỦA BỘ Y TẾ NĂM 2025 (ĐỢT 8)**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng năm 2025 của Bộ Y tế)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| STT | Danh mục dự án                                                                                        | Địa điểm xây dựng     | Địa điểm mở tài khoản KBNN | Mã dự án | Mã ngành kinh tế | Thời gian KC-HT | Quyết định đầu tư                           |                                |           | Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được giao | Kế hoạch vốn năm 2025 đã được giao | Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 điều chỉnh đợt này |                 | Kế hoạch vốn năm 2025 điều chỉnh đợt này |                 | Tổng số kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 đã giao sau điều chỉnh | Tổng số kế hoạch vốn năm 2025 đã giao sau điều chỉnh | Ghi chú |            |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------------|----------|------------------|-----------------|---------------------------------------------|--------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------|------------|
|     |                                                                                                       |                       |                            |          |                  |                 | Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành    | TMDT                           |           |                                                                     |                                    | Điều chỉnh tăng                                     | Điều chỉnh giảm | Điều chỉnh tăng                          | Điều chỉnh giảm |                                                                 |                                                      |         |            |
|     |                                                                                                       |                       |                            |          |                  |                 |                                             | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | NSTW      |                                                                     |                                    |                                                     |                 |                                          |                 |                                                                 |                                                      |         | Nguồn khác |
|     | Tổng cộng                                                                                             |                       |                            |          |                  |                 |                                             |                                |           | 2.296.330                                                           | 1.006.754                          | 103.300                                             | 103.300         | 137.344                                  | 368.609         | 2.296.330                                                       | 775.489                                              |         |            |
| I   | Ngành, lĩnh vực Y tế, dân số và gia đình                                                              |                       |                            |          |                  |                 |                                             |                                |           | 1.942.730                                                           | 870.230                            | 103.300                                             | 103.300         | 113.800                                  | 334.179         | 1.942.730                                                       | 649.851                                              |         |            |
| 1   | Vốn chuẩn bị đầu tư                                                                                   |                       |                            |          |                  |                 |                                             |                                |           | 25.000                                                              | 19.500                             | -                                                   | -               | -                                        | 15.634          | 25.000                                                          | 3.866                                                |         |            |
| (1) | Đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nguyên                                                  |                       |                            |          | 132              |                 | 1532<br>24/3/2023                           |                                |           | 10.000                                                              | 5.000                              | -                                                   | -               | -                                        | 4.029           | 10.000                                                          | 971                                                  |         |            |
| (2) | Dự án xây dựng mới cơ sở 2 Bệnh viện Răng - Hàm - Mặt Trung ương Hà Nội                               |                       |                            |          | 132              |                 | 1102<br>28/2/2023                           |                                |           | 2.000                                                               | 1.500                              | -                                                   | -               | -                                        | 1.000           | 2.000                                                           | 500                                                  |         |            |
| (3) | Dự án đầu tư phát triển Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ thành Trung tâm y tế chuyên sâu của vùng |                       |                            |          | 132              |                 | 3831<br>19/12/2024                          |                                |           | 2.000                                                               | 2.000                              | -                                                   | -               | -                                        | 1.605           | 2.000                                                           | 395                                                  |         |            |
| (4) | Dự án xây dựng mới Viện Pháp y tâm thần TW tại Hà Nội (giai đoạn 2)                                   |                       |                            |          | 132              |                 | 3844<br>20/12/2024                          |                                |           | 2.000                                                               | 2.000                              | -                                                   | -               | -                                        | 2.000           | 2.000                                                           | -                                                    |         |            |
| (5) | Dự án xây dựng trụ sở phân viện Viện Pháp y tâm thần Bắc miền Trung                                   |                       |                            |          | 132              |                 | 3845<br>20/12/2024                          |                                |           | 4.000                                                               | 4.000                              | -                                                   | -               | -                                        | 2.000           | 4.000                                                           | 2.000                                                |         |            |
| (6) | Dự án xây dựng Viện Huyết học truyền máu TW cơ sở 2                                                   |                       |                            |          | 132              |                 | 3841<br>20/12/2024                          |                                |           | 5.000                                                               | 5.000                              | -                                                   | -               | -                                        | 5.000           | 5.000                                                           | -                                                    |         |            |
| 2   | Vốn thực hiện dự án                                                                                   |                       |                            |          |                  |                 |                                             | 3.536.892                      | 3.506.892 | 30.000                                                              | 1.917.730                          | 850.730                                             | 103.300         | 103.300                                  | 113.800         | 318.545                                                         | 1.917.730                                            | 645.985 |            |
| a   | Dự án chuyển tiếp                                                                                     |                       |                            |          |                  |                 |                                             | 1.950.000                      | 1.950.000 | -                                                                   | 1.327.130                          | 514.030                                             | -               | -                                        | -               | 296.636                                                         | 1.327.130                                            | 217.394 |            |
| (1) | Bệnh viện chấn thương chỉnh hình TW Cần Thơ                                                           | Cần Thơ               | Ban Giao dịch              | 7627331  | 132              | 2019-2025       | 4873,<br>31/10/2017;<br>3177,<br>29/10/2024 | 950.000                        | 950.000   |                                                                     | 740.313                            | 224.213                                             | -               | -                                        | -               | 159.213                                                         | 740.313                                              | 65.000  |            |
| (2) | Bệnh viện Nội tiết TW TP. Hồ Chí Minh                                                                 | Thành phố Hồ Chí Minh | Ban Giao dịch              | 7627332  | 132              | 2019-2025       | 4871,<br>31/10/2017;<br>3170,<br>29/10/2024 | 1.000.000                      | 1.000.000 | -                                                                   | 586.817                            | 289.817                                             | -               | -                                        | -               | 137.423                                                         | 586.817                                              | 152.394 |            |
| b   | Dự án khởi công mới                                                                                   |                       |                            |          |                  |                 |                                             | 1.586.892                      | 1.556.892 | 30.000                                                              | 590.600                            | 336.700                                             | 103.300         | 103.300                                  | 113.800         | 21.909                                                          | 590.600                                              | 428.591 |            |
| (1) | Dự án xây dựng Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nguyên giai đoạn 2                               | Đắk Lắk               | KBNN Khu vực XIV           | 8038174  | 132              | 2023-2025       | 1908;<br>20/04/2023                         | 30.000                         | 30.000    | -                                                                   | 30.000                             | 26.000                                              | -               | -                                        | -               | 17.000                                                          | 30.000                                               | 9.000   |            |
| (2) | Đầu tư xây dựng Viện pháp y tâm thần TW                                                               | Hà Nội                | Ban Giao dịch              | 7212672  | 132              | 2020-2025       | 1131,<br>31/3/2016;<br>3175,<br>29/10/2024  | 249.892                        | 249.892   |                                                                     | 140.000                            | 22.400                                              | -               | -                                        | -               | 4.909                                                           | 140.000                                              | 17.491  |            |

| STT | Danh mục dự án                                                                                                                | Địa điểm xây dựng | Địa điểm mở tài khoản KBNN          | Mã dự án | Mã ngành kinh tế | Thời gian KC-HT | Quyết định đầu tư                                 |                                |         | Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được giao | Kế hoạch vốn năm 2025 đã được giao | Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 điều chỉnh đợt này |                 | Kế hoạch vốn năm 2025 điều chỉnh đợt này |                 | Tổng số kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 đã giao sau điều chỉnh | Tổng số kế hoạch vốn năm 2025 đã giao sau điều chỉnh | Ghi chú |            |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------|----------|------------------|-----------------|---------------------------------------------------|--------------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------|------------|
|     |                                                                                                                               |                   |                                     |          |                  |                 | Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành          | TMDT                           |         |                                                                     |                                    | Điều chỉnh tăng                                     | Điều chỉnh giảm | Điều chỉnh tăng                          | Điều chỉnh giảm |                                                                 |                                                      |         |            |
|     |                                                                                                                               |                   |                                     |          |                  |                 |                                                   | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | NSTW    |                                                                     |                                    |                                                     |                 |                                          |                 |                                                                 |                                                      |         | Nguồn khác |
|     | Tổng cộng                                                                                                                     |                   |                                     |          |                  |                 |                                                   |                                |         | 2.296.330                                                           | 1.006.754                          | 103.300                                             | 103.300         | 137.344                                  | 368.609         | 2.296.330                                                       | 775.489                                              |         |            |
| (3) | Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện E                                           | Hà Nội            | KBNN Khu vực I                      | 8068416  | 132              | 2023-2026       | 3607, 21/9/2023; 1346, 21/4/2025                  | 320.000                        | 300.000 | 20.000                                                              | 211.000                            | 96.600                                              | -               | 103.300                                  | -               | -                                                               | 107.700                                              | 96.600  |            |
| (4) | Dự án đầu tư xây dựng khu điều trị khoa Sản, Nhi Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam Cu Ba Đồng Hới                                   | Quảng Trị         | KBNN Khu vực XII, phòng nghiệp vụ 2 | 8070496  | 132              | 2023-2026       | 1782; 30/6/2022                                   | 190.000                        | 180.000 | 10.000                                                              | 127.000                            | 112.000                                             | 53.000          | -                                        | 63.500          | -                                                               | 180.000                                              | 175.500 |            |
| (5) | Dự án xây dựng Trung tâm chăm sóc, khám và điều trị chất lượng cao cho cán bộ Bệnh viện Hữu Nghị                              | Hà Nội            | KBNN Khu vực I                      | 7889418  | 132              | 2023-2026       | 3901, 25/12/2024                                  | 797.000                        | 797.000 |                                                                     | 82.600                             | 79.700                                              | 50.300          | -                                        | 50.300          | -                                                               | 132.900                                              | 130.000 |            |
| II  | Vốn ngành quản lý nhà nước                                                                                                    |                   |                                     |          |                  |                 |                                                   |                                |         |                                                                     | 5.000                              | 5.000                                               | -               | -                                        | -               | 3.900                                                           | 5.000                                                | 1.100   |            |
| I   | Vốn chuẩn bị đầu tư                                                                                                           |                   |                                     |          |                  |                 |                                                   |                                |         |                                                                     | 5.000                              | 5.000                                               | -               | -                                        | -               | 3.900                                                           | 5.000                                                | 1.100   |            |
| (1) | Dự án Đầu tư xây dựng trụ sở mới cơ quan Bộ Y tế                                                                              | Hà Nội            | Ban giao dịch                       | 8127890  | 341              |                 | 3860, 20/12/2024                                  |                                |         |                                                                     | 5.000                              | 5.000                                               | -               | -                                        | -               | 3.900                                                           | 5.000                                                | 1.100   |            |
| III | Vốn ngành giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp                                                                           |                   |                                     |          |                  |                 |                                                   | 4.251.725                      | 604.800 | -                                                                   | 348.600                            | 131.524                                             | -               | -                                        | 23.544          | 30.530                                                          | 348.600                                              | 124.538 |            |
| 1   | Vốn chuẩn bị đầu tư                                                                                                           |                   |                                     |          |                  |                 |                                                   | 2.860.000                      | 260.000 | -                                                                   | 107.000                            | 12.380                                              | -               | -                                        | -               | 9.680                                                           | 107.000                                              | 2.700   |            |
| (1) | Dự án nâng cấp Trường Đại học Y Dược Cần Thơ hướng đến trường Đại học trọng điểm quốc gia giai đoạn I                         | Cần Thơ           | KBNN Khu vực XIX                    | 8128188  | 081              |                 | 1167, 3/3/2023                                    |                                |         |                                                                     | 5.000                              | 5.000                                               | -               | -                                        | -               | 4.300                                                           | 5.000                                                | 700     |            |
| (2) | Dự án xây dựng ký túc xá Trường Đại học Y tế công cộng                                                                        | Hà Nội            | PGD số 10 - KBNN Khu vực I          | 8128187  | 081              |                 | 1271, 7/3/2023                                    |                                |         |                                                                     | 2.000                              | 2.000                                               | -               | -                                        | -               | 2.000                                                           | 2.000                                                | -       |            |
| (3) | Dự án Xây mới cơ sở 2 Học viện Y Dược học cổ truyền Việt nam Nhà tài trợ: Trung Quốc                                          | Hà Nội            |                                     |          | 081              |                 | 1748/QĐ-TTg 08/11/2017                            | 2.860.000                      | 260.000 |                                                                     | 100.000                            | 5.380                                               | -               | -                                        | -               | 3.380                                                           | 100.000                                              | 2.000   |            |
| 2   | Vốn thực hiện dự án                                                                                                           |                   |                                     |          |                  |                 |                                                   | 1.391.725                      | 344.800 | -                                                                   | 241.600                            | 119.144                                             | -               | -                                        | 23.544          | 20.850                                                          | 241.600                                              | 121.838 |            |
|     | Dự án khởi công mới                                                                                                           |                   |                                     |          |                  |                 |                                                   | 1.391.725                      | 344.800 | -                                                                   | 241.600                            | 119.144                                             | -               | -                                        | 23.544          | 20.850                                                          | 241.600                                              | 121.838 |            |
| (1) | Dự án đầu tư xây dựng mở rộng cơ sở 2 - Trường Đại học Kỹ thuật Y-Dược Đà Nẵng                                                | Đà Nẵng           | PGD số 7 - KBNN Khu vực XII         | 7966441  | 081              | 2023-2026       | 4441; 07/12/2023                                  | 100.000                        | 100.000 |                                                                     | 100.000                            | 72.080                                              | -               | -                                        | 23.544          | -                                                               | 100.000                                              | 95.624  |            |
| (2) | Xây dựng Trường Đại học Dược Hà Nội trở thành Trường trọng điểm quốc gia ngang tầm khu vực vào năm 2020 Nhà tài trợ: Hàn Quốc | Bắc Ninh          | KBNN Khu vực I                      | 7223035  | 081              | 2023-2028       | 802, 28/6/2019; 4216, 13/9/2019; 4780, 30/12/2023 | 1.291.725                      | 244.800 |                                                                     | 141.600                            | 47.064                                              | -               | -                                        | -               | 20.850                                                          | 141.600                                              | 26.214  |            |

**BỘ Y TẾ**

**PHỤ LỤC SỐ 03**

**GIAO, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG NƯỚC CỦA BỘ Y TẾ NĂM 2025 (ĐỢT 8)**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng năm 2025 của Bộ Y tế)*

| STT | Danh mục dự án                                                | Địa điểm xây dựng | Địa điểm mở tài khoản KBNN | Mã dự án | Mã ngành kinh tế | Thời gian KC-HT | Chủ đầu tư | Quyết định đầu tư                |                                |                                | Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 | Kế hoạch vốn năm 2025 đã giao | Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (vốn trong nước) giao điều chỉnh đợt 8 |                 | Tổng số kế hoạch vốn năm 2025 đã giao sau điều chỉnh | Trong đó                    |                    | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------|----------|------------------|-----------------|------------|----------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------|---------|
|     |                                                               |                   |                            |          |                  |                 |            | Số Quyết định                    | TMĐT                           |                                |                                              |                               | Điều chỉnh tăng                                                          | Điều chỉnh giảm |                                                      | Thu hồi các khoản ứng trước | Thanh toán nợ XDCB |         |
|     |                                                               |                   |                            |          |                  |                 |            |                                  | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó NSNN (vốn trong nước) |                                              |                               |                                                                          |                 |                                                      |                             |                    |         |
|     | SỐ KẾ HOẠCH VỐN GIAO ĐỢT NÀY                                  |                   |                            |          |                  |                 |            |                                  |                                |                                |                                              |                               | 1.146.385                                                                | -               | 2.423.385                                            |                             |                    |         |
| I   | Ngành, lĩnh vực Y tế, dân số và gia đình                      |                   |                            |          |                  |                 |            |                                  |                                |                                |                                              |                               | 1.146.385                                                                | -               | 2.423.385                                            |                             |                    |         |
| 1   | Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2025         |                   |                            |          |                  |                 |            |                                  |                                |                                |                                              |                               | 1.146.385                                                                | -               | 2.423.385                                            |                             |                    |         |
| (1) | Dự án đầu tư xây dựng mới cơ sở 2 Bệnh viện Bạch Mai          | Ninh Bình         | Ban Giao dịch              | 7456648  | 132              | 2016-2026       | Ban QLDA   | 4985, 01/12/2014; 764, 04/3/2025 | 4.990.000                      | 4.500.000                      | 1.233.790                                    | 643.000                       | 573.000                                                                  | -               | 1.216.000                                            |                             |                    |         |
| (2) | Dự án đầu tư xây dựng mới cơ sở 2 Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức | Ninh Bình         | Ban Giao dịch              | 7456653  | 132              | 2016-2026       | Ban QLDA   | 4986, 01/12/2014; 770, 04/3/2025 | 4.968.000                      | 4.500.000                      | 1.224.790                                    | 634.000                       | 573.385                                                                  | -               | 1.207.385                                            |                             |                    |         |